

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-PT

Ngày 15-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường

Các Thẩm phán: Ông Đinh Trường Sơn

Bà Hoàng Ngọc Liễu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình:** Ông Phạm Văn Minh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLPT-DS ngày 27/3/2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố Tân Bình, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nghiêm Văn M, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn TB, xã TC, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn TB, xã TC, huyện L, tỉnh Hòa Bình, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T quen biết với anh Nghiêm Văn M vào khoảng tháng 04/2022 trên mạng xã hội Blued. Sau khi quen biết, anh M giới thiệu là Hiệu phó trường học và có kinh doanh bất động sản. Qua một vài lần gặp gỡ, anh M có hỏi vay T một khoản tiền để đầu tư bất động sản, anh T đồng ý. Khoảng 08 giờ tối ngày 05/06/2022, T mang theo hợp đồng vay tiền số 01/2022/HĐVT được đánh máy sẵn và hẹn gặp anh M tại điểm xe bus Miếu Môn. Sau khi gặp nhau, anh M chở T bằng xe máy đến nhà nghỉ Thanh Bình, tại đây, hai bên ký hợp đồng vay. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bản gồm 02 trang được in 02 mặt trên giấy A4, hai bên chỉ ký phần cuối của hợp đồng và điểm chỉ, không ký trang đầu tiên, anh M yêu cầu T ghi chữ “mặt trước” và “mặt sau” vào hợp đồng. Số tiền anh T cho anh M vay là 380.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng từ 05/6/2022 đến 05/12/2022, lãi suất 12%/năm, thanh toán tiền gốc và lãi vào cuối kỳ. Anh M đã nhận đủ số tiền 380.000.000 đồng và ra về vào hồi 21 giờ 30 phút cùng ngày.

Ngày 08/11/2022 T có vay anh M 1.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày từ 08/11/2022 đến ngày 11/11/2022, không lãi suất. Hợp đồng này cũng do T tự soạn thảo và mang đến cho anh M ký. Số tiền này đến nay T vẫn chưa thanh toán cho anh M do anh M chưa yêu cầu.

Sau nhiều lần yêu cầu anh M trả nợ nhưng anh M vẫn cố tình không trả mà luôn nói với T rằng anh M bị lừa, không vay không nợ. Anh T đã gửi đơn đến Công an huyện C yêu cầu giải quyết, làm rõ sự việc. Ngày 24/01/2024 anh T khởi kiện yêu cầu ông M phải trả tổng số tiền 517.104.833 đồng, trong đó: nợ gốc 380.000.000 đồng, lãi trên nợ gốc 22.800.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 112.063.562 đồng, lãi trên nợ lãi chưa trả là 2.241.271 đồng.

Về những điểm nhầm lẫn trong hợp đồng số 01/2022 ngày 05/6/2022 và hợp đồng số 01/2022 ngày 08/11/2022, anh T cũng đã nhận ra vấn đề khi ký hợp đồng nhưng không thực hiện việc sửa lại hợp đồng cho phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T yêu cầu anh M phải trả số tiền 470.000.000 đồng, trong đó 380.000.000 đồng là nợ gốc và 90.000.000 đồng tiền lãi.

Bị đơn anh Nghiêm Văn M trình bày:

Ngày 06/11/2022 anh M quen T vào qua mạng xã hội Blued. T là người chủ động nhắn tin làm quen với anh M trước. Lúc đó anh M có giới thiệu với T

là Phó Hiệu trưởng trường học và đang đưa đoàn đi thể thao. T có nói đang gặp khó khăn về tài chính, mẹ bị ung thư đã chết, bố đi làm xa, một mình nuôi em gái ăn học, muốn nhờ anh M giúp đỡ về tài chính.

Đến ngày 08/11/2022, T tiếp tục nhắn tin cho anh M qua mạng xã hội Blued và tiếp tục hỏi vay tiền anh M, anh M bảo nhiều không có đâu. T hẹn gặp anh M ở Miếu Môn, anh M đồng ý. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T gửi số điện thoại cho anh M, đến 09 giờ 30 phút thì hai bên gặp nhau ở Miếu Môn. Anh M chở T đi uống nước nhưng không có quán nào, sau đó bảo T vào quán phở vừa ăn vừa nói chuyện. Trong quá trình ăn uống, T tiếp tục trình bày về hoàn cảnh gia đình, anh M cũng nói chỉ giúp được 1.000.000 đồng, có thì trả không có thì thôi. T đồng ý và đưa cho anh M 01 nhẵn bạc cùng 01 tờ giấy có nội dung viết sẵn nhưng anh M không lấy, cũng không đọc và ký vào tờ giấy đó. T tiếp tục bảo viết giấy vay tiền, anh M bảo không cần, sau đó T đưa anh M vào nhà nghỉ cách Miếu Môn khoảng 300m để vay tiền. Do lúc đó T chủ động nên anh M không nhớ đó là nhà nghỉ nào. Đến khoảng 10 giờ, T đưa cho anh M bản hợp đồng để trống phần thông tin cá nhân, T bảo anh M cung cấp thông tin để ghi vào hợp đồng, ký tên và điểm chỉ vào giấy. Hợp đồng vay tiền, bút, mực điểm chỉ đều do T chuẩn bị từ trước. Hợp đồng được lập thành 02 bản, gồm 02 tờ giấy A4, được in mỗi tờ một mặt. Sau đó cả hai ra khỏi nhà nghỉ, T đi trước, anh M đi sau T khoảng 05 phút. Khi ra về anh M nghĩ lại thấy không yên tâm nên gọi điện thoại cho T để lấy lại bản hợp đồng mà T đã cầm. T hẹn anh M xuống nhà máy bê tông X để gặp nhưng khi anh M xuống đến nơi thì gọi điện thoại cho T không được. Về nhà anh M có nhắn tin gọi điện cho T nhiều lần nhưng T vẫn không trả lời.

Cuối tháng 11/2022 T mới kết bạn với anh M, gửi bản ảnh hợp đồng cho anh M và từ đó gán cho anh M số nợ 380.000.000 đồng. Thấy hợp đồng ghi ngày 05/6/2022, anh M có nhắn tin qua lại yêu cầu T chấm dứt hành vi lừa đảo nhưng T lại tố cáo anh M đến Cơ quan công an huyện C. Ngày 26/4/2023 T tiếp tục nhắn tin đe dọa gây ảnh hưởng đến uy tín của anh M.

Anh M khẳng định không có việc vay T số tiền 380.000.000 đồng vào ngày 05/6/2022 bởi thời điểm đó anh M chưa quen T. Ngày 05/6/2022 cũng là ngày anh M đi công tác cùng các thầy cô giáo trong khối Tiểu học và Trung học cơ sở tại Nghệ An từ ngày 03/6/2022 đến ngày 05/6/2022, khoảng 23 giờ đêm ngày 05/6/2022 anh M mới về đến nhà.

Hợp đồng số 01/2022 ngày 05/6/2022 mà T cung cấp cho Tòa án có nhiều điểm bất hợp lý: Thời hạn vay là 06 tháng từ 05/6/2022 đến 05/12/2022 nhưng tại mục 2, Điều 3 của hợp đồng ghi “05/12/2023”; mặt trước của hợp

đồng không có chữ ký nháy của anh M; hợp đồng có chữ ký của anh M nhưng không ghi nội dung anh M đã nhận đủ số tiền 380.000.000 đồng. Cả hai hợp đồng ngày 05/6/2022 và 08/11/2022 đều do T soạn, ở trang có phần chữ ký chỉ ghi bên A và bên B chứ không phải ghi bên vay và bên cho vay. Anh M cho rằng việc T lập hợp đồng ngày 08/11/2022 thành 02 bản, mỗi bản 02 tờ được in chỉ một mặt là chiêu trò của T khiến anh M ký tên bên B của 02 bản hợp đồng, sau đó in nội dung anh M vay số tiền 380.000.000 đồng vào mặt giấy để trắng ở tờ giấy có chữ ký của anh M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hải Y trình bày:

Chị Y cho rằng chồng chị - anh M không vay số tiền 380.000.000 đồng từ anh T. Từ năm 2022 đến nay, gia đình chị không sử dụng số tiền lớn như vậy vào việc gì, vợ chồng anh chị đều là giáo viên, thuộc diện kinh tế tương đối khá, thu nhập ổn định. Hơn nữa, anh T chỉ là bạn xã hội nếu cho vay số tiền đó thì phải có thể chấp tài sản. Việc chồng chị cho anh T vay 1.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở. Với sự chủ động, chuẩn bị kỹ lưỡng như vậy, chị nghĩ anh T cố ý gài bẫy để lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm mất uy tín của chồng chị.

Về việc giải quyết đơn tố giác của anh Nguyễn Văn T: Ngày 08/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định số 178/QĐ-CQĐT-ĐTTH quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với nội dung đơn của anh Nguyễn Văn T tố giác ông Nghiêm Văn M có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra ngày 05/6/2022 tại C, Hà Nội. Quyết định này cũng nêu rõ đây là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm hình sự. Nếu hai bên vẫn không thống nhất được thì có thể gửi đơn đến Tòa án để được giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh Nghiêm Văn M có đơn yêu cầu Tòa án giám định hợp đồng vay tiền số 01/2022/HĐVT ngày 05/6/2022 mà anh T đã gửi cho Tòa án có phải bị thay trang 1 hay không. Ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 02/2024/QĐ-TCGD và gửi tài liệu liên quan đến Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an để thực hiện giám định. Ngày 11/9/2024 Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an ban hành Quyết định 169/KL-KTHS đã kết luận: Không đủ cơ sở Kết luận Hợp đồng cho vay tiền số 01/2022/HĐVT ngày 05/6/2022 có bị thay trang 1 hay không. Tại Công văn 3269/C09-P5 ngày 30/10/2024 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an về việc giải thích Kết luận giám định đã nêu: Hợp đồng cho vay tiền số 01/2022/HĐVT ngày 05/6/2022 tồn tại hệ thống các đặc điểm, tuy nhiên không đủ cơ sở khoa học chứng minh các đặc điểm này là đặc điểm có giá trị đủ để kết luận khẳng định mẫu cần giám định có bị thay

trang hay không; Tại góc bên phải trang 1 mẫu cần giám định có 02 cặp lỗ ghim xuyên qua giấy và lớp ép Plastic gồm 01 cặp lỗ ghim có chiều hướng xuyên từ mặt trước sang mặt sau, 01 cặp lỗ ghim có chiều hướng xuyên từ mặt sau ra mặt trước, 02 cặp lỗ ghim này không là cơ sở để đánh giá, chứng minh, kết luận mẫu cần giám định có bị thay trang hay không.

Bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 59 Nghị định 75/200/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc kiện đòi ông Nghiêm Văn M số tiền 470.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/02/2025 nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Anh T cho rằng bản án sơ thẩm không xem xét các chứng cứ trực tiếp là 02 hợp đồng, kết luận giám định và kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra liên quan đến hợp đồng vay tiền, mà chỉ xem xét các chứng cứ gián tiếp là vô lý và không có sức thuyết phục, đề nghị HĐXX phúc thẩm làm rõ, xem xét chứng cứ và đánh giá bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự trình bày các nội dung như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn T không đưa được những tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho kháng cáo của anh T. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn Nghiêm Văn M trả số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng vay tài sản. Bị đơn Nghiêm Văn M cư trú tại xã TC, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 20/01/2025, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm. Ngày 03/02/2025, nguyên đơn Nguyễn Văn T có kháng cáo. Theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn T không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc Tuấn là người đại diện theo ủy quyền của anh tại phiên tòa; bị đơn Nghiêm Văn M có đơn đề nghị gửi Tòa án về việc không tiếp tục thuê luật sư Nguyễn Thị Thủy là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại cấp phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hải Y vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 294, Điều 297 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về kháng cáo của nguyên đơn

Nguyên đơn Nguyễn Văn T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến các chứng cứ trực tiếp là 02 bản hợp đồng, kết luận giám định, kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra liên quan đến hợp đồng vay tiền mà lại đi xem xét các chứng cứ gián tiếp nên bản án sơ thẩm là không khách quan,

đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại chứng cứ của vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Đối với hợp đồng vay tiền 01/2022/HĐVT ngày 05/6/2022

Hợp đồng này cũng do anh T giao nộp cho Tòa án. Đây là hợp đồng được in 2 mặt (02 trang) trên 01 tờ giấy A4, được đánh số trang 1 và trang 2. Nội dung của hợp đồng như sau: Anh T (bên A) cho anh M (bên B) vay số tiền 380.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ 05/6/2022 đến ngày 05/12/2022; lãi suất 12%/năm, hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản. Mặc dù hợp đồng này có chữ ký và điểm chỉ của bên B (bên vay) anh Nghiêm Văn M, đã được giám định khẳng định chữ ký và điểm chỉ trong bản hợp đồng là của anh Nghiêm Văn M và anh Nguyễn Văn T, xong hợp đồng này có một số nội dung mâu thuẫn, cụ thể:

** Về nội dung các điều khoản trong hợp đồng còn có những nội dung mâu thuẫn, chưa đồng nhất như sau:*

- Bên cho vay (Bên A) là anh Nguyễn Văn T, bên vay (bên B) là anh Nghiêm Văn M, nhưng tại khoản 1 Điều 3 của hợp đồng có ghi “Bên A đồng ý vay số tiền trên với lãi suất 12% một năm tính từ ngày nhận tiền vay”.

- Khoản 1 Điều 2 của hợp đồng có ghi “thời hạn vay là 06 tháng (0,5 năm) - Kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2022 - Đến ngày 05 tháng 12 năm 2022” nhưng tại khoản 2 Điều 3 của hợp đồng đã ghi “Tiền trả cả lãi và gốc vào cuối kỳ vay tức toàn bộ tiền sẽ được trả vào ngày 05/12/2023”.

- Theo khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng có nêu “Địa điểm trả nợ là nơi cư trú của bên B” nhưng trong hợp đồng không ghi địa điểm thực hiện hợp đồng, thời gian và địa điểm bàn giao tiền.

- Anh T là Bên A – bên cho vay, anh M là Bên B – bên vay nhưng nội dung tại khoản 2 Điều 4 của hợp đồng quy định về quyền và nghĩa vụ của bên A như sau: “Bồi thường thiệt hại cho bên B, nếu bên A biết tài sản không đảm bảo chất lượng mà không báo cho bên B biết, trừ trường hợp bên B biết mà vẫn nhận tài sản đó”. Điều này mâu thuẫn với nội dung được nêu khoản 1, Điều 4 “Giao tiền cho bên B đầy đủ, đúng chất lượng và số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận”. Bởi lẽ, nếu anh M nhận vay số tiền nêu trên của anh T, anh T sẽ yêu cầu anh M ghi thêm nội dung “Tôi vay số tiền 380 triệu” dưới phần chữ ký của anh M tương tự như nội dung anh T đã ghi thêm trong hợp đồng vay tiền với anh M vào ngày 08/11/2022; hoặc nội dung xác nhận về việc anh T đã bàn giao số tiền trên cho anh M.

Mặt khác, tại khoản 4 Điều 5 của hợp đồng này đã ghi “Bên B đồng ý thế chấp tài sản của mình kể cả tài sản riêng hoặc tài sản chung nếu mất khả năng trả nợ”. Việc thế chấp tài sản khi vay là một trong những biện pháp bảo đảm phổ biến khi các bên thực hiện hợp đồng vay tài sản, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, hợp đồng quy định việc thực hiện thế chấp tài sản của bên vay khi bên vay mất khả năng là không phù hợp về mặt pháp lý.

** Về thời gian, địa điểm ký hợp đồng.*

Hợp đồng được ký ngày 05/6/2022 và nguyên đơn Nguyễn Văn T khai hai bên ký hợp đồng là vào khoảng thời từ 20 giờ – 21 giờ 30 phút ngày 05/6/2022 tại nhà nghỉ Thanh Bình thuộc khu vực Miếu Môn. Tuy nhiên anh Nghiêm Văn M khai thời gian này anh M chưa quen biết T, đặc biệt ngày 05/6/2022 anh đang cùng nhà trường đi tham quan ở Nghệ An và khoảng 23 giờ mới về đến nhà, anh M cũng giao nộp ảnh chụp tại mộ cụ Nguyễn Du vào lúc 13h08’ ngày 05/6/2022. Lời khai này của anh M phù hợp với lời khai của ông Tống Duy S - Hiệu trưởng trường TH & THCS CT (BL 129), ông Nguyễn Hồng H – Trưởng phòng Giáo dục huyện L (BL 135), ông Đỗ Viết Q – Giám đốc Công ty cổ phần du lịch LS (BL133) đều xác nhận trong khoảng thời gian từ ngày 03/6/2022 đến 05/6/2022 anh Nghiêm Văn M tham gia đoàn tham quan do Phòng Giáo dục – Đào tạo huyện Lương Sơn tổ chức, không xuống xe giữa đường. Những người này đều khẳng định thời gian đoàn tham quan về tới Lương Sơn là từ 23 giờ đến 24 giờ ngày 05/6/2022. Đồng thời, qua đối chiếu hợp đồng du lịch số 01/HĐ-DL ngày 01/6/2022 giữa Phòng Giáo dục – Đào tạo huyện Lương Sơn và Công ty cổ phần du lịch Lương Sơn (BL 151 – 152) có nội dung trùng khớp về mặt thời gian với lời khai của những người làm chứng.

Về địa điểm ký hợp đồng 05/6/2022: Tại Cơ quan điều tra, T khai về địa điểm ký hợp đồng là nhà nghỉ Bình An. Khi làm việc tại Tòa án, T trình bày ký hợp đồng và giao tiền tại nhà nghỉ Thanh Bình. Sau khi Tòa án tiến hành xác minh các nhà nghỉ hoạt động tại khu vực Miếu Môn từ 2020 đến nay không có nhà nghỉ nào tên Thanh Bình thì anh T thay đổi lời khai không biết tên nhà nghỉ là gì. Mặt khác, trong các lời khai của T cũng có những mâu thuẫn nhau, lúc thì khai gặp M tại nhà nghỉ Bình An, sau khi ký hợp đồng thì T và M ôm nhau ngủ, sáng hôm sau cùng về (BL104), lúc thì T khai được M đón ở điểm chờ xe bus rồi đưa đến nhà nghỉ Bình An, sau khi nhận đủ tiền 380 triệu đồng thì M về trước, T ngủ một mình đến sáng hôm sau ra về (BL101).

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở khẳng định giữa anh T và anh M không có ký hợp đồng vay tiền vào ngày 05/6/2022 tại khu vực Miếu Môn như lời khai của anh T.

** Về các kết luận giám định liên quan đến hợp đồng vay tiền ngày 05/6/2022.*

Tại thông báo kết luận giám định số 1005/TBKLGD –ĐTTTH ngày 02/8/2023 và thông báo kết luận giám định số 1006/TBKLGD –ĐTTTH ngày 02/8/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, thành phố Hà Nội thì tại Bản kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp Hà Nội đã kết luận chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Văn M, dấu vân tay trên hợp đồng vay tiền ngày 05/6/2022 là của Nguyễn Văn M. Mặt khác tại Kết luận số 169/KL-KTHS ngày 11/9/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *“Không đủ cơ sở kết luận Hợp đồng cho vay tiền số 01/2022/HĐVT ngày 05/6/2022 có bị thay trang 01 hay không”*. Mặc dù có các kết luận như trên, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy:

- Như vừa phân tích ở trên, có đủ cơ sở khẳng định giữa anh T và anh M không ký hợp đồng vay tiền vào ngày 05/6/2022.

- Tuy không đủ căn cứ kết luận hợp đồng vay tiền ngày 5/6/2022 có bị thay trang hay không nhưng tại bản giải thích kết luận giám định số 3269/C09-P5 ngày 30/10/2024 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an nêu rõ: *“Tại góc bên phải trang 1 mẫu cần giám định ký hiệu A có 02 cặp lỗ ghim xuyên qua giấy và lớp ép plastic gồm: 01 cặp lỗ ghim có chiều hướng xuyên từ mặt trước sang mặt sau, 01 cặp lỗ ghim có chiều hướng xuyên từ mặt sau ra mặt trước....”*. Việc tồn tại lỗ ghim tại góc phải hợp đồng có 01 tờ là bất hợp lý. Chi tiết này phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn M về việc ngày 08/11/2022 anh M và anh T có ký hợp đồng vay tiền, hợp đồng được ký làm 02 bản, mỗi bản có 02 tờ và mỗi tờ chỉ in ở một trang, là có cơ sở.

[2.2]. Về các mâu thuẫn giữa hợp đồng vay tiền ngày 05/6/2022 và ngày 08/11/2022.

Tại trang 1 của 02 hợp đồng thể hiện các nội dung về bên vay, bên cho vay và đều viết tắt là bên A và bên B. Hợp đồng ngày 05/6/2022 thì bên cho vay là bên A (anh Nguyễn Văn T) và bên vay là bên B (anh Nguyễn Văn M), nhưng tại hợp đồng ngày 08/11/2022 thì bên cho vay lại là bên B (anh M) và bên vay là bên A (anh T) và phần ký nhận, điểm chỉ của các bên tại trang 2 (mặt sau) chỉ ghi bên A, bên B mà không ghi chú thích bên vay và bên cho vay, điều này dễ dẫn tới việc đánh tráo nghĩa vụ của bên A và bên B.

Mặt khác, cả 02 hợp đồng đều do T chủ động đánh máy soạn thảo mang đến để anh M ký nhưng chỉ có Hợp đồng ngày 05/6/2022 anh T đánh máy sẵn toàn bộ nội dung của hợp đồng, trong đó có phần thông tin cá nhân, số tiền vay,

lỗi xuất, còn hợp đồng ngày 08/11/2022 là hợp đồng có sau nhưng lại để trống các nội dung trên. Điều này là không hợp lý vì hợp đồng ngày 05/6/2022 là hợp đồng có trước và anh T đã đánh máy trước đầy đủ thông tin cá nhân của anh M, còn hợp đồng ngày 08/11/2022 có sau nhưng lại cần ông M cung cấp các thông tin thì anh T mới biết để viết tay vào hợp đồng. Đối chiếu chi tiết này với lời khai của anh M thấy có sự phù hợp, logic về việc anh M khai mới biết anh T từ 06/11/2022, nên khi soạn thảo hợp đồng ngày 08/11/2022 anh T mới để trống các thông tin về nhân thân của anh M, đến khi gặp anh M mới hỏi và viết các thông tin cá nhân vào hợp đồng. Mặt khác, hợp đồng ngày 08/11/2022, ngoài việc anh T đã ký vào cuối trang 02 (bên A) thì anh T còn ký vào trang 01, điều này thể hiện anh T rất cẩn thận trong việc ký hợp đồng để hợp đồng không thể bị chỉnh sửa, thay thế, nhưng tại hợp đồng ngày 05/6/2022, mặc dù đây là hợp đồng anh T cho anh M vay 380 triệu đồng nhưng anh T lại không yêu cầu anh M ký vào từng trang của hợp đồng, điều này không phù hợp với việc anh T chỉ vay 1 triệu đồng của anh M nhưng đã ký vào trang 01 và còn viết vào cuối trang 02 là vay của anh M 01 triệu đồng.

[2.3]. Về các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan

** Về việc soạn thảo hợp đồng, chuẩn bị bút, mực dấu:*

Anh T là người chủ động soạn thảo, in 02 hợp đồng, chuẩn bị bút và mực dấu để hai bên ký và điểm chỉ vào hợp đồng. Hai hợp đồng này có nội dung giống hệt nhau ở trang 2 về điều khoản hợp đồng, kiểu chữ, vị trí để ký tên và điểm chỉ của bên A và bên B, đồng thời cũng không ghi rõ bên nào là bên vay, bên nào là bên cho vay.

Hợp đồng vay tiền ngày 05/6/2022 được anh T đánh máy toàn bộ, kể cả phần thông tin cá nhân của anh M; tại trang 01 của hợp đồng không có chữ ký của cả anh M và anh T.

Khi T hẹn gặp anh M vào ngày 08/11/2022, T đã chuẩn bị trước hợp đồng vay tiền, bút, hộp mực. Hợp đồng được in một mặt trên giấy A4, gồm 02 tờ được đánh số trang 1 và 2, bỏ trống phần thông tin cá nhân của bên cho vay, sau đó được anh T ghi thêm vào. Mặc dù anh M cho T vay số tiền 1.000.000 đồng, anh M không yêu cầu T phải viết giấy nhưng T vẫn tha thiết yêu cầu anh M ký và điểm chỉ vào 02 bản của hợp đồng vay ngày 08/11/2022.

Lời khai của anh T tại cơ quan điều tra và tại Tòa án cấp sơ thẩm có sự không đồng nhất: Lời khai tại cơ quan điều tra ngày 22/4/2023 T khai “Hợp đồng ngày 08/11/2022, cũng lập thành 02 bản, tôi giữ 01 bản, anh M giữ 01 bản, bản của tôi giữ thì tôi đã xé và ném đi... lúc đó, anh M cũng nhìn thấy” (BL 112,

117 – 118). Tại Tòa án, anh T khai Hợp đồng ngày 08/11/2022 chỉ được lập thành 01 bản duy nhất do anh M giữ, T không giữ bản nào.

* Xét lời khai của anh Nghiêm Văn M ngày 15/11/2024: Sau khi ký hợp đồng cho vay tiền ngày 08/11/2022 cho anh T vay 1 triệu đồng. Do anh T có cầm 01 bản hợp đồng nên anh M lo lắng vì thấy bản Hợp đồng không bình thường, anh M sợ anh T thay đổi nội dung vì anh M chỉ ký trang cuối. Anh M đã gọi điện cho anh T khoảng 9-10 cuộc điện thoại nhưng không liên lạc được. Anh M cũng nhắn nhiều tin nhắn cho anh T thể hiện sự lo lắng T thay đổi nội dung hợp đồng vào trang sau của hợp đồng nhưng anh T không trả lời tin nhắn. Do lo lắng anh T không nghe máy nên sáng hôm sau ngày 09/11/2022 anh M đã báo ông Trần T.A là Trưởng Công an xã TC qua tin nhắn Zalo và chụp bản Hợp đồng cho vay tiền để Trưởng Công an xã được biết. Lời khai của anh M phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của ông Trần T.A, phù hợp các tài liệu do Công an huyện C cung cấp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để xác định không có việc anh Nguyễn Văn T và anh Nghiêm Văn M ký hợp đồng vay tiền vào ngày 05/6/2022 như lời khai của nguyên đơn Nguyễn Văn T. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, người làm chứng, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khách quan, toàn diện để không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005170 ngày 19/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 15/5/2025./.

Nơi nhận:

- Tòa án NDCC tại Hà Nội;
- Viện KSNDCC tại Hà Nội;
- Viện KSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- TAND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TH, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Trường